

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2018

GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 20.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người uỷ quyền: Ông Đào Việt Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 012348941 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2014.

Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 030800017 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2008.


Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đào Việt Anh uỷ quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký các loại Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến các loại Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Người uỷ quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được uỷ quyền.
3. Thời hạn uỷ quyền: Việc uỷ quyền này có giá trị từ ngày ký giấy uỷ quyền cho đến khi có văn bản quy định khác.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN


TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

NGƯỜI ỦY QUYỀN


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đào Việt Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2019)
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính giữa niên độ riêng và hợp nhất năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 20/TASA-UQ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Số: 341 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 08 năm 2019, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.629.907.381	80.624.657.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	56.460.658.831	65.421.409.557
1. Tiền	111		4.460.658.831	17.397.576.129
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.000.000.000	48.023.833.428
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.068.114.065	15.107.650.821
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.275.849.662	707.606.463
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.500.435	20.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	15.788.763.968	14.380.044.358
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		101.134.485	95.597.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	101.134.485	95.597.279
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180.218.355.715	186.568.189.092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.555.000.000	24.778.768.572
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	18.550.000.000	24.750.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	5.000.000	28.768.572
II. Tài sản cố định	220		78.324.458	367.953.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	78.324.458	367.953.534
- Nguyên giá	222		8.079.844.773	8.079.844.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.001.520.315)	(7.711.891.239)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	161.477.623.921	161.292.995.323
1. Đầu tư vào công ty con	251		163.036.120.074	163.036.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.558.496.153)	(1.743.124.751)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		107.407.336	128.471.663
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	107.407.336	128.471.663
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		253.848.263.096	267.192.846.749

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.374.565.288	12.282.247.822
I. Nợ ngắn hạn	310		10.371.565.288	8.279.247.822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.121.103.258	2.553.023.638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.505.355	32.096.790
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	378.408.807	269.819.564
4. Phải trả người lao động	314		162.348.250	155.069.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		731.423.700	166.311.750
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	5.773.708.284	4.688.288.508
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		177.067.634	414.637.972
II. Nợ dài hạn	330		3.000.000	4.003.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	3.000.000	3.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	4.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.473.697.808	254.910.598.927
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	243.473.697.808	254.910.598.927
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.095.490.500)	(15.682.334.790)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		825.550.013	794.026.037
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		521.734.052	259.392.390
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.339.544.743	72.657.155.790
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		59.026.183.348	53.180.579.534
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.313.361.395	19.476.576.256
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		253.848.263.096	267.192.846.749



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	10.049.346.477	7.749.569.772
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10.049.346.477	7.749.569.772
4. Giá vốn hàng bán	11	16	8.798.504.804	6.925.206.517
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.250.841.673	824.363.255
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	9.248.164.350	11.041.552.517
7. Chi phí tài chính	22		(168.073.042)	1.583.656.615
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.555.556	140.777.777
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	2.079.568.290	2.061.798.843
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)	30		8.587.510.775	8.220.460.314
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		14.025.175	-
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(14.025.175)	-
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.573.485.600	8.220.460.314
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	260.124.205	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.313.361.395	8.220.460.314

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng

Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2019	Từ ngày 01/01/2018
		đến ngày 30/06/2019	đến ngày 30/06/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9.504.893.410	8.050.810.813
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(8.883.360.487)	(7.012.311.609)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.069.508.450)	(982.593.135)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(83.666.667)	(117.444.444)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(316.163.751)	(439.088.227)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.748.364.353	8.909.371.606
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.115.574.409)	(11.374.285.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.215.016.001)	(2.965.540.101)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.200.000.000	472.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.791.929.203	10.705.682.448
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.991.929.203	11.177.682.448
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(6.413.155.710)	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.325.188.914)	(17.519.148.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.738.344.624)	(17.519.148.527)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(8.961.431.422)	(9.307.006.180)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	65.421.409.557	67.095.186.124
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	680.696	1.343.878
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	56.460.658.831	57.789.523.822

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14/05/2018.

Công ty có trụ sở tại: Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11 người).

Hoạt động kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container;
- Cho thuê xe có động cơ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh: Hạch toán độc lập.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty sở hữu 99% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,68% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	2.039.700.227	1.842.731.240
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.420.958.604	15.554.844.889
Các khoản tương đương tiền (i)	52.000.000.000	48.023.833.428
Cộng	56.460.658.831	65.421.409.557

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.275.849.662	707.606.463
Công ty TNHH Đại lý Vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	264.851.099	347.115.820
Công ty TNHH HAPAG-LLOYD Việt Nam	264.449.117	-
Công ty TNHH Thương mại và XNK Sức Sống Mới	251.500.000	-
Các đối tượng khác	495.049.446	360.490.643
Trong đó: Phải thu là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh 23)</i>	154.000.000	232.859.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	15.788.763.968	-	14.380.044.358	-
- Tạm ứng	1.498.732.000	-	853.881.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	179.139.726	-	150.213.020	-
- Phải thu lãi vay ngắn hạn - bên liên quan	220.098.631	-	289.917.808	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	15.123.288	-	22.082.192	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	204.975.343	-	267.835.616	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia - bên liên quan	11.702.387.443	-	12.551.273.530	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.653.688.157	-	3.044.976.738	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	8.126.776.554	-	7.453.426.001	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.921.922.732	-	1.923.372.392	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	656.756.668	-	129.498.399	-
- Các khoản phải thu khác	2.188.406.168	-	534.759.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải - bên liên quan	1.462.164.000	-	534.259.000	-
Các khoản phải thu khác	726.242.168	-	500.000	-
<i>b) Dài hạn</i>	5.000.000	-	28.768.572	-
- Tạm ứng	5.000.000	-	18.768.572	-
- Ký cược, ký quỹ;	-	-	10.000.000	-
Cộng	15.793.763.968	-	14.408.812.930	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<i>Ngắn hạn</i>	101.134.485	95.597.279
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	151.511	5.583.334
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	100.982.974	90.013.945
<i>Dài hạn</i>	107.407.336	128.471.663
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	21.032.797	18.270.372
Thiết bị văn phòng và sửa xe	86.374.539	110.201.291

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự VND
<i>Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan</i>	18.550.000.000	-	24.750.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (i)	4.600.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	13.950.000.000	-	18.250.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu về cho vay theo Hợp đồng cho vay số 03/HDCV/2017 ngày 30/12/2017 số tiền 4.500.000.000 VND, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2017 ngày 01/07/2017 số tiền 2.472.000.000 VND, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 04/PLHDVV/2018 ngày 31/12/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2021. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay theo Hợp đồng cho vay số 01/HDVV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền 26.750.000.000 VND và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2018 ngày 30/03/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2021. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

9. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>8.004.769.317</u>	<u>43.727.274</u>	<u>8.079.844.773</u>
Số cuối kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>8.004.769.317</u>	<u>43.727.274</u>	<u>8.079.844.773</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>7.636.815.783</u>	<u>43.727.274</u>	<u>7.711.891.239</u>
Khấu hao trong kỳ	-	289.629.076	-	289.629.076
Số cuối kỳ	<u>31.348.182</u>	<u>7.926.444.859</u>	<u>43.727.274</u>	<u>8.001.520.315</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu kỳ	-	<u>367.953.534</u>	-	<u>367.953.534</u>
Số cuối kỳ	-	<u>78.324.458</u>	-	<u>78.324.458</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 7.492.410.773 VND (Tại ngày 31/12/2018 là 75.075.456 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty con	163.036.120.074	(1.558.496.153)	-	163.036.120.074	(1.743.124.751)	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	60.990.000.000	-	(i)	60.990.000.000	(231.647.758)	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	-	(i)	45.655.576.172	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	32.867.444.563	-	(i)	32.867.444.563	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	14.503.099.339	-	(i)	14.503.099.339	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6.500.000.000	-	(i)	6.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (ii)	2.520.000.000	(1.558.496.153)	(i)	2.520.000.000	(1.511.476.993)	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá, tồn thất các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30/06/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,680%	99,680%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,000%	99,000%	Kinh doanh kho bãi và thương mại
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,350%	99,350%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,000%	100,000%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,000%	100,000%	Thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty con là Công ty TNHH Container Minh Thành (“Minh Thành”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 244 triệu VND. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty có cho Minh Thành vay vốn khoảng 18 tỷ VND, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 320 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải (“Tasaco”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 304 triệu VND. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty có cho Tasaco thuê xe nâng với doanh thu phát sinh khoảng 420 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (“Trading”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 670 triệu VND. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty có thực hiện thuê văn phòng và sử dụng dịch vụ nâng hạ và vệ sinh container của Trading với tổng giá trị khoảng 3,4 tỷ VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (“Đường bộ Duyên Hải”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 1,7 tỷ VND. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty có cho Đường bộ Duyên Hải vay vốn khoảng 4,5 tỷ VND, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 90 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (“Duyên Hải Phú Thọ”): Hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 5,1 tỷ VND. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty phát sinh doanh thu thương mại khác đối với Duyên Hải Phú Thọ với tổng phát sinh khoảng 460 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (“Duyên Hải Hà Nội”): hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 phát sinh ít, lỗ khoảng 47 triệu VND. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty phát sinh doanh thu thương mại khác với Duyên Hải Hà Nội là tiền điện thoại khoảng 1 triệu VND.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	3.121.103.258	3.121.103.258	2.553.023.638	2.553.023.638
Công ty TNHH Đại lý Vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	214.338.450	214.338.450	195.327.450	195.327.450
Công ty TNHH HAPAG-LLOYD Việt Nam	472.196.992	472.196.992	-	-
Các đối tượng khác	2.434.567.816	2.434.567.816	2.357.696.188	2.357.696.188
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	2.316.216.378	2.316.216.378	2.234.973.933	2.234.973.933

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.229.204	301.059.181	291.655.938	39.632.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.070.720	260.124.205	316.163.751	162.031.174
Thuế thu nhập cá nhân	21.519.640	456.683.601	301.458.055	176.745.186
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	269.819.564	1.020.866.987	912.277.744	378.408.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngắn hạn	5.773.708.284	4.688.288.508
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	534.668.100	447.749.500
- Các khoản phải trả phải nộp khác	5.239.040.184	4.240.539.008
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải - Bên liên quan	4.100.000.000	2.600.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội - Bên liên quan	810.000.000	810.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải - Bên liên quan	-	67.111.111
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	311.424.254	750.811.967
- Các đối tượng khác	17.615.930	12.615.930
Dài hạn	3.000.000	3.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	5.776.708.284	4.691.288.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	187.110.000.000	9.772.359.500	(15.682.334.790)	722.553.956	-	70.958.635.206	252.881.213.872
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	19.476.576.256	19.476.576.256
Phân phối lợi nhuận 2018	-	-	-	71.472.081	71.472.081	(17.562.073.570)	(17.419.129.408)
Trích quỹ từ lợi nhuận của các công ty con chuyển về	-	-	-	-	402.639.764	-	402.639.764
Giảm khác	-	-	-	-	(214.719.455)	(215.982.102)	(430.701.557)
Số dư đầu kỳ này	187.110.000.000	9.772.359.500	(15.682.334.790)	794.026.037	259.392.390	72.657.155.790	254.910.598.927
Cổ phiếu quỹ mua trong kỳ	-	-	(6.413.155.710)	-	-	-	(6.413.155.710)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.313.361.395	8.313.361.395
Phân phối lợi nhuận 2019 (i)	-	-	-	31.523.976	31.523.976	(13.477.032.728)	(13.413.984.776)
Trích quỹ từ lợi nhuận của các công ty con chuyển về	-	-	-	-	375.405.686	-	375.405.686
Giảm khác	-	-	-	-	(144.588.000)	(153.939.714)	(298.527.714)
Số dư cuối kỳ này	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	825.550.013	521.734.052	67.339.544.743	243.473.697.808

Ghi chú:

(i) Trong kỳ Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức năm 2018	13.382.460.800
Quỹ khen thưởng phúc lợi	31.523.976
Quỹ đầu tư phát triển	31.523.976
Quỹ phát triển thị trường	31.523.976
Cộng	13.477.032.728

Số cổ tức Công ty đã trả trong kỳ là 13.325.188.914 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.982.924	1.395.734
+ Cổ phiếu phổ thông	1.982.924	1.395.734
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.728.076	17.315.266
+ Cổ phiếu phổ thông	16.728.076	17.315.266
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	VND	VND
Vốn góp của các Cổ đông	187.110.000.000	187.110.000.000
Cổ phiếu quỹ	19.829.240.000	13.957.340.000

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</u>	<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bãi	6.812.174.247	3.900.275.553
Doanh thu cước vận tải biển (trung gian)	2.305.267.001	2.390.325.273
Doanh thu vận tải và cho thuê xe	877.389.120	641.433.636
Doanh thu thương mại	49.774.639	798.364.573
Doanh thu dịch vụ khác	4.741.470	19.170.737
Cộng	10.049.346.477	7.749.569.772
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	1.622.031.704	2.340.900.152

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</u>	<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>
	VND	VND
Giá vốn bãi	6.463.836.335	3.471.469.161
Giá vốn cước vận tải biển (trung gian)	1.741.304.729	2.107.953.285
Giá vốn vận tải và cho thuê xe	591.146.612	533.590.618
Giá vốn thương mại	-	2.296.257.484
Giá vốn dịch vụ khác	2.217.128	15.935.969
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.500.000.000)
Cộng	8.798.504.804	6.925.206.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.059.888.002	979.345.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.629.076	419.757.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.419.076.316	6.673.826.206
Chi phí khác bằng tiền	109.479.700	94.887.600
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.500.000.000)
Cộng	10.878.073.094	6.667.816.967

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	7.420.922.059	8.870.958.283
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.826.556.718	2.169.236.409
Lãi chênh lệch tỷ giá	685.573	1.357.825
Cộng	9.248.164.350	11.041.552.517

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	1.059.888.002	979.345.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.371.704	29.371.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.828.884	958.194.152
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	109.479.700	94.887.600
Cộng	2.079.568.290	2.061.798.843

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	8.573.485.600	8.220.460.314
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(7.420.922.059)</i>	<i>(8.870.958.283)</i>
<i>+Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>(7.420.922.059)</i>	<i>(8.870.958.283)</i>
Cộng: Chi phí không được trừ	14.025.175	-
Thu nhập chịu thuế	1.166.588.716	-
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	233.317.743	-
Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế	26.806.462	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm	260.124.205	-

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê bãi. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	4.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(56.460.658.831)	(65.421.409.557)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>243.473.697.808</u>	<u>254.910.598.927</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,00%</u>	<u>0,00%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.460.658.831	65.421.409.557	56.460.658.831	65.421.409.557
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.619.613.630	39.866.419.393	35.619.613.630	39.866.419.393
Cộng	<u>92.080.272.461</u>	<u>105.287.828.950</u>	<u>92.080.272.461</u>	<u>105.287.828.950</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.897.811.542	7.244.312.146	8.897.811.542	7.244.312.146
Công nợ tài chính khác	731.423.700	166.311.750	731.423.700	166.311.750
Cộng	<u>9.629.235.242</u>	<u>11.410.623.896</u>	<u>9.629.235.242</u>	<u>11.410.623.896</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.460.658.831	-	56.460.658.831
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.064.613.630	18.555.000.000	35.619.613.630
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Tổng cộng	73.525.272.461	18.555.000.000	92.080.272.461
Tại ngày 30/06/2019			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.894.811.542	3.000.000	8.897.811.542
Chi phí phải trả	731.423.700	-	731.423.700
Tổng cộng	9.626.235.242	3.000.000	9.629.235.242
Chênh lệch thanh khoản thuần	63.899.037.219	18.552.000.000	82.451.037.219
Tại ngày 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.421.409.557	-	65.421.409.557
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.087.650.821	24.778.768.572	39.866.419.393
Tổng cộng	80.509.060.378	24.788.768.572	105.297.828.950
Tại ngày 01/01/2019			
Các khoản vay	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.241.312.146	3.000.000	7.244.312.146
Chi phí phải trả	166.311.750	-	166.311.750
Tổng cộng	7.407.623.896	4.003.000.000	11.410.623.896
Chênh lệch thanh khoản thuần	73.101.436.482	20.785.768.572	93.887.205.054

23. BÊN LIÊN QUAN

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 5; 6; 8; 11; 13; 15: Chi tiết số dư với các bên liên quan của Công ty cụ thể như sau:

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	154.000.000	232.859.973
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	154.000.000	77.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	155.859.973
Phải thu khác	14.041.406.742	13.375.450.338
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.682.262.631	824.176.808
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	15.123.288	22.082.192
Công ty TNHH Container Minh Thành	204.975.343	267.835.616
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.462.164.000	534.259.000
Các khoản phải thu lợi nhuận	12.359.144.111	12.551.273.530
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.653.688.157	3.044.976.738
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	656.756.668	129.498.399
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	8.126.776.554	7.453.426.001
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.921.922.732	1.923.372.392
Phải thu về cho vay dài hạn	18.550.000.000	24.750.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.600.000.000	6.500.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	13.950.000.000	18.250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

23. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.316.216.378	2.234.973.933
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	17.400.000	11.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.256.411.578	2.214.421.445
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	42.404.800	9.552.488
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.910.000.000	3.477.111.111
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	4.100.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	67.111.111
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	810.000.000	810.000.000
Phải trả vay dài hạn	-	4.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	4.000.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 16, Công ty còn giao dịch sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.806.920.003	2.851.983.062
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	48.229.046	28.318.329
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.691.718.230	2.746.484.733
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	66.972.727	77.180.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính	1.622.031.704	2.340.900.152
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	441.009.121	538.005.964
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	98.735.590	14.100.434
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	196.022.560	200.580.531
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	565.219.581	1.135.448.541
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.028.413	1.504.408
Công ty TNHH Container MinhThành	320.016.439	451.260.274
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.420.922.059	8.870.958.283
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.586.190.682	1.255.660.465
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	629.950.274	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	286.364.573	975.624.609
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.918.416.530	6.639.673.209
Chi phí lãi vay	16.555.556	140.777.777
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	16.555.556	140.777.777

Thu nhập, thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị	805.816.300	726.866.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét.



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc